TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 57/2023/DS-PT
Ngày 21 - 02 - 2023
V/v "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất (về ranh đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 517/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất (về ranh đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3187/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Kim L, sinh năm 1951 (chết ngày 13/9/2021).

Địa chỉ: Ấp Hòa Đ, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Kim L:

1.1.1. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

1.1.2 Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1977 (vắng mặt);

1.1.3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng đại chỉ: Ấp Đ Hòa, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

1.1.4. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Nguyễn M, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

1.1.5. Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Y, xã Nhơn M, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Thị Y: Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số 152, ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị D, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D và ông T2: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021) (có mặt);

Địa chỉ: Số 152, ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.3. Ông Trần Văn G, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn G: Ông Trần Văn S, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.4. Ông Trần Văn C (tên gọi khác: Trần Thanh Q – Theo Đơn xin xác nhận hai người là một ngày 20/02/2023), sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.5. Bà Trần Thị C, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị C: Ông Lê Văn B, sinh năm 1969 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021) (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.6. Ông Lê Văn B, sinh năm 1969 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.7. Ông Trần Văn S, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ: Số 01, đường 30/4, khóm 1, Phường 1, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Ch: Ông Sơn Ngọc Th - Chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Ch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.9. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên L - Chi nhánh thị xã Vĩnh Ch (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 45D, đường Nguyễn H, Phường 1, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.10. Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1971 (có mặt);

3.11. Bà Trần Thị Bảo Tr, sinh năm 1994 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bảo Tr: Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1971 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2021) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.12. Ông Bùi Thanh T4, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.13. Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1977 (vắng mặt);

3.14. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng đại chỉ: Ấp Đại Hòa, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

3.15. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Nguyễn M, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Thị Y: Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.16. Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Y, xã Nhơn M, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng.

3.17. Ông Trần Văn P (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn P: Ông Trần Văn C, sinh năm 1977 (Theo Văn bản ủy quyền ngay 16/3/2021) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.18. Bà Trần Ngọc H (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc H: Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.19. Bà Trần Ngọc H2 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc H2: Ông Huỳnh Văn L3, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.20. Bà Lý Thị Th (vắng mặt);

3.21. Ông Trần Quốc Th1 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị Th và ông Trần Quốc Th1: Ông Trần Văn C, sinh năm 1977 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.22. Bà Nguyễn Thị L5 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L5: Ông Trần Văn G, sinh năm 1980 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021) (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

3.23. Ông Huỳnh Văn L3 (vắng mặt);

3.24. Ông Huỳnh Văn H1 (có mặt);

3.25. Bà Huỳnh Thị Đ (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Đ: Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn L3: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số 152, ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 100, đường Phan Bội Ch, ấp Hòa M, thị trấn Mỹ X, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

4.2. Ông Lê Vũ Th, sinh năm 1965 (có mặt);

4.3. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1951 (xin vắng mặt);

4.4. Bà Lai Thị N, sinh năm 1931 (vắng mặt);

4.5. Ông Lý Văn L4, sinh năm 1948 (vắng mặt);

4.6. Ông Trần Văn T5, sinh năm 1968 (vắng mặt);

4.7. Bà Phạm Thị Â, sinh năm 1950 (xin vắng mặt);

4.8. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

4.9. Ông Võ Mộng H4, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 209, ấp Cổ Cò, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2018 của nguyên đơn Nguyễn Kim L và Nguyễn Thị Tr và lời trình bày của người đại diện cho các nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vụ án có nội dung:

Ông Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị Tr có 03 thửa đất gồm: Thửa 152, tờ bản đồ số 02, diện tích 9.819m^2; Thửa 186, tờ bản đồ số 02, diện tích 14.208m^2; Thửa 229, tờ bản đồ số 02, diện tích 14.241m^2, cùng tọa lạc tại ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng.

Nguồn gốc 03 thửa đất nêu trên do ông bà để lại cho ông Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị Tr và có đầy đủ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Trong đó hộ ông Nguyễn Kim L đứng tên giấy tờ thửa 152 và thửa 186, còn thửa 229 bà Nguyễn Thị Tr đứng tên.

Giáp với 03 thửa đất trên về hướng Tây là con kênh chạy dài thuộc thửa 184 và thửa 257 của ông Trần Văn T1. Hàng năm ông T1 đều cho xe cơ giới nạo vét con kênh và mỗi khi nạo vét đều lấn vào 03 thửa đất của ông L và bà Tr. Năm 2008 ông T1 tự cặm ranh đất, không mời gia đình ông L bà Tr chứng kiến. Ông L bà Tr không đồng ý nên có yêu cầu Tổ hòa giải của ấp Tân H và Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã An Hiệp hòa giải nhưng địa phương không giải quyết, ông bà có gửi hồ sơ yêu cầu UBND huyện Vĩnh Ch (nay là thị xã Vĩnh Ch) nơi đây có chỉ đạo UBND xã Vĩnh H hòa giải vào ngày 01/02/2018 nhưng không thành.

Đường nước tại phần đất tranh chấp là do ruộng của ai thì người đó đào, người nào đào thì nguyên đơn không biết nhưng ông nội nguyên đơn bà Tr mướn người đào, thời gian đào là trước năm 1975. Con kênh này từ trước đến nay thì bên ông T1 quản lý, sử dụng, còn nguyên đơn thì có sử dụng phục vụ thửa số 199 vài năm. Ông Bùi Văn L2 về đây sinh sống từ năm 2000, thời gian đó ông không biết đường nước đó là của ai, lúc đó còn thuận thảo thì sử dụng chung. Phía bên ông L thì bà Tr sử dụng và ông L cho mướn, lúc đó ông L sử dụng đường nước khác, không phải đường nước tranh chấp.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tr thì thế chấp tại Ngân hàng Kiên L - Chi nhánh thị xã Vĩnh Ch. Còn giấy của ông L thì không có cầm cố hay thế chấp gì. Nhưng hiện nay bà Tr đã được Ngân hàng giải chấp và đang giữ giấy của mình.

Khi hai bên xảy ra tranh chấp thì địa phương có giải quyết vào lúc năm 2011, 2012, lúc đó ông L2 có ký biên bản. Lúc đó cặm 04 cây cọc, khi Tòa án xuống thẩm định đo đạc thì còn 03 cọc, do ông L nhổ hết một cây, lúc cặm cọc có địa chính xã chứng kiến hai bên cặm.

Nay ông Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn T1 phải giải tỏa cột mốc trả lại cho ông Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị Tr diện tích đất đã lấn chiếm thuộc các thửa sau: Thửa 152, tờ

bản đồ số 02, diện tích 320m^2 (ngang 04m, dài 80m); Thửa 186, tờ bản đồ số 02, diện tích 250m^2 (ngang 2,6m, dài 250m); Thửa 229, tờ bản đồ số 02, diện tích 250m^2 (ngang 03m, dài 83,3m), cùng tọa lạc tại ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi Tòa án thẩm định, đo đạc tại các phần đất tranh chấp này xin điều chỉnh lại phần đất yêu cầu như sau: buộc ông T1 trả lại phần đất lấn chiếm đối với thửa 184, tờ bản đồ số 02, diện tích 222,2m^2; thửa 185, tờ bản đồ số 02, diện tích 64,4m^2; thửa 257, tờ bản đồ số 02, diện tích 59m^2.

Tại đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 08/8/2019 ông Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị Tr yêu cầu xem xét thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 257, thửa 184 và 185 do UBND huyện Vĩnh Ch (nay là thị xã Vĩnh Ch) cấp cho ông Trần Văn T1.

Tại đơn phản tố ngày 12/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Trần Văn T1 trình bày:

Con kênh này là do ông nội ông đào, ông nội tên Trần Văn Họt, đào vào năm nào thì ông không biết vì lâu quá. Khi ông nội ông chết thì để lại cho cha là ông Trần Văn Chuôl canh tác từ đó đến nay.

Hiện nay, đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tr và ông L, thì ông vẫn giữ nguyên yêu cầu đối với phần tranh chấp đường nước. Còn đường nước nằm trong giấy của ông L, bà Tr hay không thì ông không biết.

Vào năm 2011 thì địa phương có hòa giải tranh chấp giữa ông với ông L2, lúc đó địa phương giải quyết có kéo dây và cặm cọc, lúc đó cặm 04 cây, cây đầu trên là do ông L2 tự cặm, còn 03 cây là do ông tự cặm và đốn 4, 5 cây dừa. Lúc Tòa án xuống thẩm định đo đạc thì 03 cây cọc đó vẫn còn giữ nguyên. Đối với trụ đá cặm sau này là do ông L2 tự cặm.

Đối với yêu của nguyên đơn thì ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tr và ông L, gồm diện tích 552,8m^2, tọa lạc tại ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 152, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Kim L đứng tên; diện tích 356,3m^2, tọa lạc tại ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 186, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Kim L đứng tên; diện tích 269,9m^2, tọa lạc tại ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 229, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị Tr đứng tên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn S, ông Trần Văn C, ông Lê Văn B, ông Huỳnh Văn H1: Đều trình bày và có yêu cầu như bị đơn Trần Văn T1 đã trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tr và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Kim L gồm có: Bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ánh H về yêu cầu bị đơn Trần Văn T1 trả lại đất lấn chiếm đối với thửa 184, tờ bản đồ số 02, diện tích 222,2m^2; thửa 185, tờ bản đồ số 02, diện tích 64,4m^2; thửa 257, tờ bản đồ số 02, diện tích 59m^2 cùng tọa lạc ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu xem xét thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 257, thửa 184 và 185 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Ch (nay là thị xã Vĩnh Ch) cấp cho ông Trần Văn T1.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn T1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tr và ông L, gồm diện tích 552,8m^2, tọa lạc tại ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 152, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Kim L đứng tên; Diện tích 356,3m^2, tọa lạc ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 186, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Kim L đứng tên; Diện tích 269,9m^2, tọa lạc ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 229, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị Tr đứng tên (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/6/2022, ông Bùi Văn L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Bùi Văn L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm vì phía nguyên đơn kháng cáo mà không có chứng cứ gì mới bổ sung để làm thay đổi bản chất vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Bùi Văn L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn ông Nguyễn Kim L, bà Nguyễn Thị Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T1 giao trả lại phần đất là mương dẫn nước tiếp giáp giữa các thửa đất của nguyên đơn và các thửa đất của bị đơn, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Bị đơn có phản tố yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất (về ranh đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" và thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Xét kháng cáo của ông Bùi Văn L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr, nhận thấy:

Ông L2 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông L2 cho rằng theo lời khai của các bên thì đường ranh đất của mỗi bên cắt nhau bằng một đường đi chung ở giữa. Trước đây nguyên đơn tự đào một con mương lớn, bị đơn tự đào một con mương nhỏ để lấy nước. Trong quá trình canh tác thì bị đơn đã san lấp con mương nhỏ, chỉ còn con mương lớn của phía nguyên đơn là nguyên hiện trạng. Vào năm 2016 khi xảy ra tranh chấp, nguyên đơn có yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Vĩnh Ch trích lục hồ sơ thửa đất và nguyên đơn thấy trực tiếp trên máy tính hồ sơ kỹ thuật của phần đất thửa 365 do ông Nguyễn Kim L đứng tên có thể hiện bờ đi chung, con mương nước lớn nằm trong phần đất của ông L.

Hội đồng xét xử xử xét thấy, phần đất tranh chấp giữa các đương sự là đường dẫn nước giáp giữa các thửa đất số 152, 186 và thửa 299 của các nguyên đơn với các thửa đất số 184, 185, 189, 228, 244 và thửa 257 của gia đình bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thừa nhận trước đây vào năm 2011 các bên đã tranh chấp đường nước này và đã được chính quyền địa phương giải quyết, sau khi hòa giải thì UBND xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch có cắm các cây trụ đá làm ranh. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019 (bút lục 189) ông L2 trình bày: "Vào năm 2008 ông T1 tự cặm cọc nên xảy ra tranh chấp. Đến năm 2011 UBND xã Vĩnh H có giải quyết, sau khi xã giải quyết có cặm 03 cây cọc bằng cây tạm, sau đó tôi đổ trụ bằng bê tông mới cặm 02 cây hiện nay vẫn còn, trên phần đất tranh chấp hiện nay có 05 cây (tôi cặm 02 cây ông T1 cặm 03 cây)". Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2019 (bút lục 182) ông T1 trình bày: "…có 03 trụ đá tiếp giáp phần tranh chấp thửa

152 và thửa 186 của ông L do địa phương cặm, còn trụ đá tiếp giáp thửa 207, thửa 810 và thửa 186 là do ông L cặm khi chuyển nhượng đất cho ông Trần Văn G".

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/10/2019 và bản vẽ sơ đồ thẩm định của Công ty TNHH Hưng Phú Thành thì hiện nay trên phần đất tranh chấp (cặp đường mương dẫn nước) có 05 trụ đá và 02 cọc gỗ, các trụ đá và cọc gỗ nằm trên phần đất giáp với các thửa đất của nguyên đơn còn đường dẫn nước đang tranh chấp nằm trên phần đất của các thửa đất của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Bùi Văn L2 có nhiều lời trình bày mâu thuẫn nhau, lúc thì ông L2 cho rằng con mương do ông nội vợ của ông đào năm 1945 nhưng gia đình ông T1 sử dụng, lúc thì ông L2 trình bày đường nước tại phần đất tranh chấp là do ruộng của ai thì người đó đào, người nào đào thì ông không biết nhưng ông nội vợ ông mướn người đào, thời gian đào là trước năm 1975. Con kênh này từ trước đến nay thì bên ông T1 quản lý sử dụng… Phía ông L thì vợ ông sử dụng và ông L cho mướn, lúc đó ông L sử dụng đường nước khác, không phải đường nước tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm thì ông L2 trình bày không biết đường nước có từ khi nào do ai đào, ông L và bà Tr không có sử dụng đường nước này từ trước đến nay.

Theo bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày thì đường nước tranh chấp có trước năm 1945, khi ông nội T1 còn sống đã sử dụng, sau khi ông nội chết thì cha ông T1 là ông Trần Văn Chuôl sử dụng, sau này ông T1 tiếp tục sử dụng cho đến nay. Lời trình bày của ông T1 phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng như ông Nguyễn Văn H3 (bút lục 222), ông Lê Vũ Th (bút lục 219), bà Lai Thị N (bút lục 225) ông Võ Mộng H4 (bút lục 226).

[4] Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đường nước đang tranh chấp hiện nay là do gia đình ông T1 đào và sử dụng từ xưa đến nay còn gia đình ông L không sử dụng đường nước này. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đường nước đang tranh chấp là thuộc quyền quản lý và sử dụng của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Văn L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 164; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Tr và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Kim L gồm có: Bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Thanh L1, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ánh H về yêu cầu bị đơn Trần Văn T1 trả lại đất lấn chiếm đối với thửa 184, tờ bản đồ số 02, diện tích 222,2m^2; thửa 185, tờ bản đồ số 02, diện tích 64,4m^2; thửa 257, tờ bản đồ số 02, diện tích 59m^2 cùng tọa lạc ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu xem xét thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 257, thửa 184 và 185 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Ch (nay là thị xã Vĩnh Ch) cấp cho ông Trần Văn T1.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn T1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tr và ông L, gồm diện tích 552,8m^2, tọa lạc tại ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 152, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Kim L đứng tên; Diện tích 356,3m^2, tọa lạc ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 186, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Kim L đứng tên; Diện tích 269,9m^2, tọa lạc ấp Tân H, xã Vĩnh H, thị xã Vĩnh Ch, tỉnh Sóc Trăng nằm trong thửa 229, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị Tr đứng tên (có sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Bùi Văn L2 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002429 ngày 06/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tâm

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Ngọc Thu Hương **Phạm Văn Công** **Vương Minh Tâm**